

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K14XDD

TÊN HỌC PHẦN:

TƯ TƯỢNG HỒ CHÍ MINH

HỌC KỲ

4

MÃ HỌC PHẦN :

POS - 361

TÍN CHỈ

2

Ngày thi:

01/04/2010

LẦN THI

1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		15		20				50	100			
1	102211833	PHAN NGỌC	THÀNH	K14XDD1	7		7		8				7	7.2	Baý pháy Hai		
2	132214406	BÙI VIỆT	ANH	K14XDD1	0		0		0				7	3.5	Ba pháy Nàm		
3	132214415	LÃ QUỶ	CẢNH	K14XDD1	7		6		7				8	7.4	Baý pháy Bắú		
4	132214439	LÊ QUỐC	DƯƠNG	K14XDD1	0		0		0				V	0.0	Khăng		
5	132214510	PHẠM HỮU	NHÂN	K14XDD1	8		6		8				HP	0.0	Khăng		
6	132214618	TRẦN VĂN DUY	VINH	K14XDD1	7		6		7				7	6.9	Saũ pháy Chèn		
7	132214631	BẠC CẨM	CƯỜNG	K14XDD1	0		0		0				HP	0.0	Khăng		
8	142131159	HỒ CÔNG TUẤN	VŨ	K14XDD1	9		8		7				7	7.5	Baý pháy Nàm		
9	142211174	NGUYỄN TUẤN	ANH	K14XDD1	9		8		7				9	8.5	Taũ pháy Nàm		
10	142211178	TRƯƠNG VĂN	BÁCH	K14XDD1	10		8		8				8	8.3	Taũ pháy Ba		
11	142211184	TÔNG VĂN	BÌNH	K14XDD1	7		7		7				9	8.0	Taũ		
12	142211190	NGÔ NGỌC	CHÍNH	K14XDD1	7		8		7				6	6.7	Saũ pháy Baý		
13	142211196	MAI XUÂN	DANH	K14XDD1	7		8		7				7	7.2	Baý pháy Hai		
14	142211209	TRẦN NGỌC	DUY	K14XDD1	9		8		8				9	8.7	Taũ pháy Baý		
15	142211212	LÊ TRUNG	HIẾU	K14XDD1	7		8		7				6	6.7	Saũ pháy Baý		
16	142211215	NGUYỄN QUANG	HÒA	K14XDD1	7		6		7				6	6.4	Saũ pháy Bắú		
17	142211218	NGUYỄN TRƯỜNG	HỘI	K14XDD1	9		8		8				7	7.7	Baý pháy Baý		
18	142211221	PHẠM TẤN	HỮU	K14XDD1	7		7		8				7	7.2	Baý pháy Hai		
19	142211226	NGUYỄN DUY	KHÁNH	K14XDD1	7		7		7				8	7.5	Baý pháy Nàm		
20	142211230	VŨ NGỌC	KHUÔNG	K14XDD1	7		7		8				9	8.2	Taũ pháy Hai		
21	142211233	ĐINH HỮU	LINH	K14XDD1	7		8		6				7	7.0	Baý		
22	142211241	HỒ CHÍ	NAM	K14XDD1	7		6		6				5	5.7	Nàm pháy Baý		
23	142211250	TRẦN NGỌC	PHÚ	K14XDD1	7		8		7				8	7.7	Baý pháy Baý		
24	142211254	TRẦN HUỖNH	PHƯƠNG	K14XDD1	7		8		8				6	6.9	Saũ pháy Chèn		
25	142211259	VÕ VĂN	QUỐC	K14XDD1	7		6		8				7	7.1	Baý pháy Mắú		
26	142211267	CHUNG QUÍ	TÂN	K14XDD1	9		8		7				6	7.0	Baý		
27	142211270	HỒ MINH	THẮNG	K14XDD1	9		7		8				9	8.5	Taũ pháy Nàm		
28	142211280	HUỖNH	THIỆN	K14XDD1	9		7		8				7	7.5	Baý pháy Nàm		
29	142211283	NGUYỄN MẬU	THÔNG	K14XDD1	8		8		8				8	8.0	Taũ		
30	142211289	PHAN ĐỨC	TIN	K14XDD1	0		0		0				6	3.0	Ba		
31	142211292	NGUYỄN VĂN	TOÀN	K14XDD1	8		7		7				6	6.7	Saũ pháy Baý		
32	142211295	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	K14XDD1	9		8		8				7	7.7	Baý pháy Baý		
33	142211298	BÙI TRỌNG	TUẤN	K14XDD1	7		9		7				8	7.8	Baý pháy Taũ		
34	142211305	VĂN ĐÌNH	TƯƠNG	K14XDD1	7		8		8				7	7.4	Baý pháy Bắú		
35	142211308	LÊ QUỐC	VIỆT	K14XDD1	7		7		7				6	6.5	Saũ pháy Nàm		
36	142211311	TRẦN TẤN	VIỆT	K14XDD1	7		8		7				7	7.2	Baý pháy Hai		
37	142211316	LÝ HOÀNG	VŨ	K14XDD1	7		8		7				9	8.2	Taũ pháy Hai		
38	142211320	HỒ MINH	VƯƠNG	K14XDD1	7		8		7				7	7.2	Baý pháy Hai		
39	142251577	TRƯƠNG BẢO	TRUNG	K14XDD1	7		7		7				7	7.0	Baý		
40	142332143	NGUYỄN THÁI	DŨNG	K14XDD1	7		7		7				7	7.0	Baý		
41	132214634	PHẠM QUỐC	HUY	K14XDD1	8		6		7				7	7.0	Baý		
42	112210236	LÊ CÔNG	BẰNG	K14XDD2	0		0		0				HP	0.0	Khăng		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K14XDD

TÊN HỌC PHẦN:

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

HỌC KỲ

4

MÃ HỌC PHẦN :

POS - 361

TÍN CHỈ

2

Ngày thi:

01/04/2010

LẦN THI

1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		15		20				50	100			
43	132214467	NGUYỄN MẠNH HÙNG	K14XDD2	0		0		0				HP	0.0	Khăng			
44	132214526	NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG	K14XDD2	7		8		7				6	6.7	Sầu pháy Baý			
45	132214570	GIANG TẤN THUẬN	K14XDD2	7		7		8				7	7.2	Baý pháy Hai			
46	132214635	NGUYỄN THÀNH LINH	K14XDD2	0		0		0				HP	0.0	Khăng			
47	142211172	BÙI TRƯỜNG AN	K14XDD2	7		7		7				5	6.0	Sầu			
48	142211175	TRẦN TUẤN ANH	K14XDD2	7		8		7				5	6.2	Sầu pháy Hai			
49	142211181	NGUYỄN PHẠM QUỐC BẢO	K14XDD2	9		8		8				8	8.2	Tầm pháy Hai			
50	142211187	LÊ VIỆT CẢNH	K14XDD2	7		8		7				8	7.7	Baý pháy Baý			
51	142211191	NGUYỄN TÂN CHUẨN	K14XDD2	8		8		8				6	7.0	Baý			
52	142211194	PHẠM ANH CƯỜNG	K14XDD2	7		7		7				8	7.5	Baý pháy Nàm			
53	142211197	BÙI QUỐC ĐẠT	K14XDD2	9		9		7				8	8.1	Tầm pháy Mẩu			
54	142211203	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	K14XDD2	7		8		7				7	7.2	Baý pháy Hai			
55	142211206	NGUYỄN VĂN DŨNG	K14XDD2	7		7		7				HP	0.0	Khăng			
56	142211213	TRƯƠNG QUANG HIẾU	K14XDD2	9		8		8				8	8.2	Tầm pháy Hai			
57	142211216	LÊ NGỌC ANH HOÀI	K14XDD2	9		8		7				9	8.5	Tầm pháy Nàm			
58	142211219	NGUYỄN VĂN HÙNG	K14XDD2	9		8		7				6	7.0	Baý			
59	142211222	TRẦN ĐÌNH HUY	K14XDD2	8		8		8				8	8.0	Tầm			
60	142211228	LÊ KHOA	K14XDD2	8		8		8				8	8.0	Tầm			
61	142211231	VĂN NGỌC LAI	K14XDD2	8		8		8				6	7.0	Baý			
62	142211242	NGUYỄN VĂN NAM	K14XDD2	7		8		7				7	7.2	Baý pháy Hai			
63	142211247	BÙI HỒNG NHẬT	K14XDD2	7		8		7				7	7.2	Baý pháy Hai			
64	142211252	PHAN TẤN UYÊN PHƯỚC	K14XDD2	7		8		7				7	7.2	Baý pháy Hai			
65	142211256	PHẠM VĂN QUỐC	K14XDD2	9		7		7				8	7.8	Baý pháy Tầm			
66	142211260	ĐOÀN THỊ NGỌC QUÝ	K14XDD2	9		7		8				9	8.5	Tầm pháy Nàm			
67	142211264	NGUYỄN HỮU HOÀI SƠN	K14XDD2	7		7		7				8	7.5	Baý pháy Nàm			
68	142211268	LÊ HỮU TẤN	K14XDD2	7		7		7				8	7.5	Baý pháy Nàm			
69	142211273	NGUYỄN HỮU THANH	K14XDD2	0		0		0				HP	0.0	Khăng			
70	142211278	NGUYỄN ĐÌNH THẢO	K14XDD2	7		7		7				8	7.5	Baý pháy Nàm			
71	142211281	LƯU ĐỨC THIỆN	K14XDD2	9		8		8				8	8.2	Tầm pháy Hai			
72	142211290	LÊ BÁ TÍN	K14XDD2	7		7		7				6	6.5	Sầu pháy Nàm			
73	142211293	PHẠM MINH TOÀN	K14XDD2	7		8		7				7	7.2	Baý pháy Hai			
74	142211296	TỔNG THÀNH TRUNG	K14XDD2	9		8		8				9	8.7	Tầm pháy Baý			
75	142211299	HÀ ANH TUẤN	K14XDD2	9		8		8				8	8.2	Tầm pháy Hai			
76	142211303	NGUYỄN THANH TUẤN	K14XDD2	7		8		7				6	6.7	Sầu pháy Baý			
77	142211309	NGÔ QUỐC VIỆT	K14XDD2	7		8		7				8	7.7	Baý pháy Baý			
78	142211312	TRƯƠNG VĂN VIỆT	K14XDD2	9		7		8				8	8.0	Tầm			
79	142211317	NGUYỄN BÁ TUẤN VŨ	K14XDD2	7		8		7				8	7.7	Baý pháy Baý			
80	142211321	LÊ CÔNG TRƯỜNG XUÂN	K14XDD2	7		7		7				6	6.5	Sầu pháy Nàm			
81	142211365	ĐỖ NGỌC TÌNH	K14XDD2	7		8		7				8	7.7	Baý pháy Baý			
82	142332177	TRƯƠNG QUANG KỶ	K14XDD2	9		8		8				8	8.2	Tầm pháy Hai			
83	132214501	VÕ VĂN NAM	K14XDD3	7		7		8				HP	0.0	Khăng			
84	132214516	PHẠM DƯƠNG PHI	K14XDD3	7		6		8				9	8.1	Tầm pháy Mẩu			
85	132214582	NGUYỄN XUÂN TOÀN	K14XDD3	7		7		7				6	6.5	Sầu pháy Nàm			
86	132214600	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	K14XDD3	7		7		7				7	7.0	Baý			
87	132214609	NGUYỄN QUANG TỶ	K14XDD3	7		6		8				HP	0.0	Khăng			
88	142211173	NGUYỄN NHƯ AN	K14XDD3	7		8		7				8	7.7	Baý pháy Baý			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K14XDD

TÊN HỌC PHẦN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
MÃ HỌC PHẦN : POS - 361

HỌC KỲ 4
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

Ngày thi: 01/04/2010

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15		15		20				50	100			
89	142211177	NGUYỄN VĂN HOÀNG BÁCH	K14XDD3	7		7		8				V	0.0	Khăng		
90	142211183	PHẠM THANH BÌNH	K14XDD3	9		8		8				8	8.2	Tam pháp Hai		
91	142211189	LÊ QUỐC CHÍNH	K14XDD3	7		6		8				8	7.6	Baý pháp Sầu		
92	142211192	NGUYỄN NHƯ CƯỜNG	K14XDD3	7		8		7				DC	0.0	Khăng		
93	142211195	HUỖNH KHẮC DÂN	K14XDD3	7		7		8				7	7.2	Baý pháp Hai		
94	142211199	ĐẶNG NGỌC ĐỨC	K14XDD3	7		8		8				7	7.4	Baý pháp Bấu		
95	142211204	LÊ QUANG DŨNG	K14XDD3	7		7		7				8	7.5	Baý pháp Nàm		
96	142211207	PHAN HOÀNG DŨNG	K14XDD3	7		8		7				7	7.2	Baý pháp Hai		
97	142211211	HOÀNG QUANG HẢO	K14XDD3	7		6		7				8	7.4	Baý pháp Bấu		
98	142211214	NGUYỄN KHÁNH HÒA	K14XDD3	7		8		7				8	7.7	Baý pháp Baý		
99	142211217	TRẦN THẾ HOÀNG	K14XDD3	7		9		7				8	7.8	Baý pháp Tam		
100	142211220	NGUYỄN NGUYỄN HƯNG	K14XDD3	7		8		8				8	7.9	Baý pháp Chèn		
101	142211224	NGUYỄN NGỌC HUỖNH	K14XDD3	9		7		8				9	8.5	Tam pháp Nàm		
102	142211232	ĐOÀN TÂN LẬP	K14XDD3	7		8		7				7	7.2	Baý pháp Hai		
103	142211239	NGUYỄN PHI MINH	K14XDD3	10		8		8				8	8.3	Tam pháp Ba		
104	142211244	LÊ QUỐC NGHĨA	K14XDD3	7		7		7				6	6.5	Sầu pháp Nàm		
105	142211248	NGUYỄN THANH NHÚT	K14XDD3	7		8		7				8	7.7	Baý pháp Baý		
106	142211253	ĐỖ TRUNG PHƯƠNG	K14XDD3	9		8		8				8	8.2	Tam pháp Hai		
107	142211257	TRẦN VĂN QUỐC	K14XDD3	9		7		8				6	7.0	Baý		
108	142211265	NGUYỄN KHÁNH SƠN	K14XDD3	7		8		7				6	6.7	Sầu pháp Baý		
109	142211269	NGUYỄN QUANG THÁI	K14XDD3	7		6		7				6	6.4	Sầu pháp Bấu		
110	142211274	ĐÌNH CÔNG THÀNH	K14XDD3	7		9		7				9	8.3	Tam pháp Ba		
111	142211279	NGUYỄN HỒNG THI	K14XDD3	9		8		8				8	8.2	Tam pháp Hai		
112	142211282	VY VĂN THỜI	K14XDD3	9		8		8				8	8.2	Tam pháp Hai		
113	142211286	NGUYỄN QUANG THUẬN	K14XDD3	7		6		7				8	7.4	Baý pháp Bấu		
114	142211291	LÊ VĂN TOÀN	K14XDD3	7		6		7				9	7.9	Baý pháp Chèn		
115	142211297	VÕ VĂN TUÂN	K14XDD3	7		8		7				8	7.7	Baý pháp Baý		
116	142211300	NGUYỄN ANH TUẤN	K14XDD3	9		7		8				6	7.0	Baý		
117	142211304	NGUYỄN SƠN TÙNG	K14XDD3	7		9		7				7	7.3	Baý pháp Ba		
118	142211307	NGUYỄN THÀNH VĂN	K14XDD3	9		6		8				8	7.9	Baý pháp Chèn		
119	142211310	NGUYỄN DUY VIỆT	K14XDD3	7		6		8				6	6.6	Sầu pháp Sầu		
120	142211315	LƯU VĂN VŨ	K14XDD3	7		7		8				9	8.2	Tam pháp Hai		
121	142211319	ĐOÀN NGỌC VIỆT VƯƠNG	K14XDD3	7		8		8				9	8.4	Tam pháp Bấu		
122	142214458	HUỖNH NGUYỄN KHOA	K14XDD3	7		6		7				7	6.9	Sầu pháp Chèn		
123	142214795	NGUYỄN VƯƠNG THẠCH	K14XDD3	7		8		7				8	7.7	Baý pháp Baý		
124	142221370	PHẠM SƠN TÙNG	K14XDD3	10		9		8				10	9.5	Chèn pháp Nàm		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	110	89%	
2	Số sinh viên nợ	14	11%	
TỔNG CỘNG :		124	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 04 năm 2010
PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Ngày thi: 01/04/2010

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ
				15		15		20				50	100	

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Huỳnh Ngọc Hào

Nguyễn Ân